

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11- 4- 2019

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐÒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa
2. Ông Phan Thanh Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1986
Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1990
Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình
(Tại phiên tòa có mặt hai bên đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15/01/2019, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Minh D trình bày: Anh và chị Q có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ) vào ngày 12/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng với bố mẹ chị Q, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do chị Q có thái độ không tôn trọng anh và gia đình anh, vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế. Anh đã góp ý nhiều lần nhưng chị Q vẫn không thay đổi nên vợ chồng xảy ra nhiều xung đột. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị Q được nữa nên anh có nguyện vọng xin được ly hôn với chị Q. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 08/9/2014. Nếu ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp

luật. Quá trình chung sống anh và chị Q có một số tài sản chung nhưng anh chị tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày: Chị và anh D có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ) vào ngày 12/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng với bố mẹ chị, cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, chị vẫn luôn thương yêu chồng con. Nhưng đến ngày 15/01/2019, vợ chồng có cãi vã do bất đồng về quan điểm thì anh D bỏ đi. Nay anh D làm đơn xin ly hôn thì chị có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, trường hợp anh D kiên quyết ly hôn thì yêu cầu Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Quá trình chung sống chị và anh D có 01 con chung như anh D trình bày. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh D có một số tài sản chung, nếu ly hôn chị và anh D tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Q trình bày: Là người vợ chị đã cố níu kéo để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D cương quyết xin ly hôn thì chị cũng chấp nhận. Còn về vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chị không yêu cầu nữa mà tùy lương tâm của anh .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh D có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Kim Q, hiện tại chị Q có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ) vào ngày 12/7/2013. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, chị Q thiếu tôn trọng anh D, nhất là trong vấn đề kinh tế không công khai cho anh D biết. Mặc khác, theo anh D trình bày thì chị Q không tôn trọng gia đình anh, anh đã góp ý nhiều lần nhưng chị Q không thay đổi. Hiện anh D đã bỏ nhà đi và sống ly thân với chị Q từ ngày 15/01/2019.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân thị xã B đã tiến hành hoà giải nhiều lần, động viên anh D suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D vẫn kiên quyết xin được ly hôn. Vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể

tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Tại phiên tòa hôm nay chị Q cũng đồng ý ly hôn vì không thể níu kéo được nữa. Xét thấy, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh D.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 08/9/2014. Nếu vợ chồng ly hôn anh D và chị Q đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng xin được nuôi con của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, hiện tại con chung của anh chị còn nhỏ, cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh C cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con thì trước đây chị Q yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Q không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống anh D và chị Q có một số tài sản chung, nhưng anh và chị Q tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Minh D phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Minh D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Q

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 08/9/2014 cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị Q không có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Minh D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền

300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002307, ngày 18/01/2019.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Tướng Thị Hà